

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán  
ngân sách địa phương quý I năm 2022, tỉnh Bình Phước

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 727/TTr-STC ngày 06 tháng 4 năm 2022,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-25.4).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



Bình Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2022

**THUYẾT MINH**

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022,  
tỉnh Bình Phước.**

*(Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)*

**A. Thu ngân sách nhà nước: 4.069.805 triệu đồng, bằng 33% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 31% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.**

I. Thu nội địa: 3.812.577 triệu đồng, bằng 35% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 32% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước TW: 185.522 triệu đồng, bằng 39% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 230.866 triệu đồng, bằng 55% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 52% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 67% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 274.950 triệu đồng, bằng 39% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 36% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 554.486 triệu đồng, bằng 35% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu lệ phí trước bạ: 196.777 triệu đồng, bằng 40% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 39% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp: 1.517 triệu đồng, bằng 19% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 176% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 406.743 triệu đồng, bằng 68% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 62% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế bảo vệ môi trường: 62.786 triệu đồng, bằng 30% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí: 46.615 triệu đồng, bằng 35% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.085.341 triệu đồng, bằng 23% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 20% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền thuê đất: 384.486 triệu đồng, bằng 63% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 48% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 97% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 19.720 triệu đồng, bằng 32% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 57% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu xổ số kiến thiết: 309.607 triệu đồng, bằng 38% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 53.161 triệu đồng, bằng 25% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu quản lý qua ngân sách: 1.469 triệu đồng.

II. Thu từ Hải quan: 255.759 triệu đồng, bằng 22% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 24% so với cùng kỳ năm trước.

**B. Chi ngân sách địa phương: 4.077.487 triệu đồng, bằng 28% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 26% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.**

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 2.585.471 triệu đồng, bằng 43% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 35% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thường xuyên: 1.490.547 triệu đồng, bằng 21% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 19% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 141.465 triệu đồng, đạt 7% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 21% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 618.577 triệu đồng, đạt 20% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 142.714 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 13.155 triệu đồng, đạt 54% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 14% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: 22.277 triệu đồng, đạt 14% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.
6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 9.326 triệu đồng, đạt 7% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 36% so với cùng kỳ năm trước.
7. Chi đảm bảo xã hội: 85.279 triệu đồng, đạt 30% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 51% so với cùng kỳ năm trước.
8. Chi quản lý hành chính: 355.061 triệu đồng, đạt 29% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 46% so với cùng kỳ năm trước.
9. Chi an ninh - quốc phòng: 82.476 triệu đồng, đạt 29% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 17% so với cùng kỳ năm trước.
10. Chi khác ngân sách: 20.217 triệu đồng, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 16% so với cùng kỳ năm trước.
11. Các khoản chi quản lý qua ngân sách: 1.469 triệu đồng.





## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 828 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý I/2021	Quý I/2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>12.180.000</b>	<b>13.150.000</b>	<b>3.844.513</b>	<b>4.069.805</b>	<b>33</b>	<b>31</b>	<b>106</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>12.180.000</b>	<b>13.150.000</b>	<b>3.844.513</b>	<b>4.069.805</b>	<b>33</b>	<b>31</b>	<b>106</b>
1	Thu nội địa	11.030.000	12.000.000	3.506.079	3.812.577	35	32	109
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.150.000	1.150.000	337.822	255.759	22	22	76
4	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			612	1.469			
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>							
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.316.330</b>	<b>15.655.000</b>	<b>3.361.889</b>	<b>4.077.487</b>	<b>31</b>	<b>26</b>	<b>121</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>13.316.330</b>	<b>15.655.000</b>	<b>3.361.277</b>	<b>4.076.018</b>	<b>31</b>	<b>26</b>	<b>121</b>
1	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.292.236	1.842.154	2.585.471	43	35	140
2	Chi thường xuyên	6.990.109	7.882.447	1.401.524	1.490.547	21	19	106
3	Chi trích lập quỹ phát triển đất	-	-	-	-			
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-	-		
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	-	78.826	-			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý I/2021	Quý I/2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU	-	-	9.978	-			
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018	-	-	28.795	-			
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	-	-	-	-			
9	Dự phòng	265.081	479.317	-	-	-		
<b>II</b>	<b>Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>			<b>612</b>	<b>1.469</b>			
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	-	-					
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>							
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>							



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 828 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Số thực hiện		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh thông qua	Quý I/2021	Quý I/2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>12.180.000</b>	<b>13.150.000</b>	<b>3.844.513</b>	<b>4.069.805</b>	<b>33</b>	<b>31</b>	<b>106</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>11.030.000</b>	<b>12.000.000</b>	<b>3.506.079</b>	<b>3.812.577</b>	<b>35</b>	<b>32</b>	<b>109</b>
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	480.000	480.000	180.135	185.522	39	39	103
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	420.000	440.000	138.484	230.866	55	52	167
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	700.000	770.000	290.184	274.950	39	36	95
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1.580.000	1.580.000	540.435	554.486	35	35	103
5	Lệ phí trước bạ	490.000	510.000	146.566	196.777	40	39	134
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	8.000	8.000	550	1.517	19	19	276
8	Thuế thu nhập cá nhân	600.000	660.000	252.463	406.743	68	62	161
9	Thuế bảo vệ môi trường	210.000	210.000	55.271	62.786	30	30	114
10	Thu phí và lệ phí	134.000	134.000	40.915	46.615	35	35	114
11	Tiền sử dụng đất	4.700.000	5.300.000	1.147.869	1.085.341	23	20	95
12	Thu tiền cho thuê đất	606.000	806.000	194.700	384.486	63	48	197



STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh thông qua	Quý I/2021	Quý I/2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	62.000	46.201	19.720	32	32	43
14	Thu xổ số kiến thiết	820.000	820.000	424.660	309.607	38	38	73
15	Thu khác	210.000	210.000	47.388	53.161	25	25	112
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-				
17	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	10.000	10.000	258	-	-	-	0
<b>II</b>	<b>Các khoản thu quản lý qua ngân sách</b>		-	<b>612</b>	<b>1.469</b>			<b>240</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ Hải quan</b>	<b>1.150.000</b>	<b>1.150.000</b>	<b>337.822</b>	<b>255.759</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>76</b>
<b>B</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>10.735.350</b>	<b>11.836.820</b>	<b>1.532.038</b>	<b>3.743.951</b>	<b>35</b>	<b>32</b>	<b>244</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	3.703.700	3.867.220	1.425.244	1.654.300	45	43	116
2	Từ các khoản thu NSDP được hưởng 100%	7.031.650	7.969.600	1.992.805	2.089.651	30	26	105

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định số 828 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý I/2021	Số thực hiện quý I/2022	SO SÁNH (%)		
						2	3	4
	<b>Tổng chi NSDP</b>	<b>13.316.330</b>	<b>15.655.000</b>	<b>3.361.889</b>	<b>4.077.487</b>	<b>31</b>	<b>26</b>	<b>121</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>13.316.330</b>	<b>15.655.000</b>	<b>3.361.277</b>	<b>4.076.018</b>	<b>31</b>	<b>26</b>	<b>121</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.060.140</b>	<b>7.292.236</b>	<b>1.842.154</b>	<b>2.585.471</b>	<b>43</b>	<b>35</b>	<b>140</b>
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	6.060.140	7.243.636	1.842.154	2.585.471	43	36	140
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		30.000				0	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu sở xố kiến thiết		18.600					
4	Chi trả nợ vay tín dụng							
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.990.109</b>	<b>7.882.447</b>	<b>1.401.524</b>	<b>1.490.547</b>	<b>21</b>	<b>19</b>	<b>106</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế		2.010.867	179.211	141.465		7	79
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.051.111	3.122.213	601.224	618.577	20	20	103
3	Chi sự nghiệp y tế		563.173	149.657	142.714		25	95
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.378	24.378	15.325	13.155		54	86
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		158.148	25.504	22.277		14	87
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		127.120	6.856	9.326		7	136
7	Chi đảm bảo xã hội		284.013	56.513	85.279		30	151

A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý I/2021	Số thực hiện quý I/2022	SO SÁNH (%)		
						2	3	4
8	Chi quản lý hành chính		1.228.865	243.370	355.061		29	146
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		280.964	99.700	82.476		29	83
10	Chi khác ngân sách		82.706	24.164	20.217		24	84
<b>IV</b>	<b>Chi trích lập quỹ phát triển đất</b>			-				
<b>V</b>	<b>Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	-				
<b>VI</b>	<b>Chi thực hiện cải cách tiền lương</b>			<b>78.826</b>				-
<b>VII</b>	<b>Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU</b>			<b>9.978</b>				
<b>VIII</b>	<b>Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018</b>			<b>28.795</b>				-
<b>IX</b>	<b>Chi đầu tư các dự án CNTT</b>			-				
<b>X</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>265.081</b>	<b>479.317</b>					
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW</b>	<b>1.171.835</b>						
<b>C</b>	<b>Các khoản chi quản lý qua ngân sách</b>			<b>612</b>	<b>1.469</b>			